

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-PT

Ngày: 19-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Ông **Lại Anh Vân**

Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông **Nguyễn Quang Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị X do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 84/2018/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị X, sinh năm 1989 tại Hải Dương. HKTT: Khu 2 thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Khu 6 thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị V; có chồng là Nguyễn Xuân K và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02 ngày 03/10/2017 của Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra còn bị cáo Nguyễn Xuân K không có kháng cáo và không bị kháng nghị (vắng mặt tại phiên tòa).

- Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH V.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự: Ông S –chức danh: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1988; chức vụ: Quản lý hành chính nhân sự - công ty TNHH V.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Đức D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 2A phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 14 phố H, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 248 phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1984.

ĐKKH: Khu 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 295 phố P, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không được triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2017, Nguyễn Thị X được nhận vào làm công nhân tại Công ty TNHH V. Đến đầu tháng 5/2017 lợi dụng sơ hở, X đã lấy trộm 01 chiếc tai nghe Bluetooth nhãn hiệu LG HBS-510 (là hàng sản xuất tại công ty) về đưa cho chồng là Nguyễn Xuân K. Thấy sử dụng tốt nên K đã đăng tin giao bán trên mạng xã hội Facebook. Khi thấy người hỏi mua, K đã bảo X tiếp tục lấy trộm tai nghe của công ty về để bán lấy tiền chi tiêu và được X đồng ý. Sau đó lợi dụng lúc công nhân trong phòng đi ăn cơm trưa (X không đi ăn cùng mà ăn cơm tại phòng làm việc do K mang đến), X đã lén lút lấy tai nghe trong khay nhựa trên các giá để hàng trong phòng Headset (phòng tai nghe) mang về tủ đồ cá nhân của X tại công ty cất giấu. Đến chiều, X lấy tai nghe trong tủ đồ cá nhân bỏ vào túi nilon màu đen cùng bát đĩa rồi mang ra đưa cho K qua hàng rào phía sau công ty. K mang tai nghe cùng bát đĩa về phòng trọ ở phường Tứ Minh, thành phố H cất giấu.

Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 5 đến ngày 19/5/2017 ngoài lần lấy chiếc tai nghe mang về đưa cho K, X và K còn cùng nhau thực hiện 07 lần trộm cắp tổng số 159 chiếc tai nghe Bluetooth nhãn hiệu LG HBS-510 là tài sản của Công ty TNHH V. Cụ thể: Lần thứ nhất X lấy 01 chiếc; lần thứ hai 18 chiếc; lần thứ ba 36 chiếc; lần thứ tư 17 chiếc; lần thứ năm 25 chiếc; lần thứ sáu 30 chiếc; lần thứ bảy 25 chiếc và lần cuối cùng 08 chiếc.

Sau khi trộm cắp được số tai nghe, K đã trực tiếp bán cho một thanh niên không quen biết qua mạng xã hội Facebook 20 chiếc với giá 80.000đ/chiếc được 1.600.000đ. K cùng X trực tiếp đi bán cho anh Phạm Đức D 50 chiếc với giá 150.000đ/chiếc được 7.500.000đ, sau đó anh D trả lại một chiếc, X đã trả lại anh D 200.000đ. X trực tiếp bán cho anh Phạm Tiến T 80 chiếc được 12.650.000đ; 08 chiếc lấy trộm ngày 19/5/2017 K và X đã vứt xuống sông đoạn cầu T, thành phố H để tránh bị phát hiện. X và K đã đưa cho bạn bè 02 chiếc, thất lạc mất 01 chiếc.

Đối với số tai nghe đã mua, anh Phạm Đức D đã bán cho chị Lê Thị Thanh N 05 chiếc, bán cho khách 42 chiếc, 01 chiếc bị lỗi trả lại X còn lại 02 chiếc giao nộp cho cơ quan điều tra. Anh Phạm Tiến T bán cho chị N 05 chiếc, bán cho ông Phạm Văn B 60 chiếc và bán cho khách 15 chiếc.

Số tai nghe sau khi mua được, chị Lê Thị Thanh N đã bán cho khách 02 chiếc còn lại 08 chiếc giao nộp cho cơ quan điều tra. Ông Phạm Văn B bán cho bà Nguyễn Thị L 04 chiếc, bán cho khách 54 chiếc. Bà Nguyễn Thị L đã bán cho khách 01 chiếc, còn lại 03 chiếc giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 2195/KL-HĐĐG ngày 01/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND tỉnh Hải Dương kết luận: Giá trị của một chiếc tai nghe Headset HBS 510 bao gồm cả chi phí gia công là 13,8536 USD, tỉ giá hạch toán ngoại tệ tháng 5/2017 do Kho bạc nhà nước công bố (thông báo số 1730/TB-KBNN ngày 28/4/2017) là 01USD = 22.318đồng; trị giá 160 chiếc tai nghe không dây Bluetooth Model HBS 510 do Công ty TNHH V sản xuất là: 13,8536 USD x 22.318 đồng/USD x 160 = 49.469.543 đồng (*Bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng*).

Tại bản án sơ thẩm số 84/2018/HS-ST ngày 04/5/2018, TAND thành phố H áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố bị cáo X phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo 19 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo K; trách nhiệm dân sự; thi hành án; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/5/2018, bị cáo X kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo X nhất trí với tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã tuyên; vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo trình bày hiện đang có thai 6 tháng nhưng không xuất trình tài liệu thể hiện điều này.

- VKSND tỉnh phát biểu:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo X đã tự nguyện nộp số tiền 22.725.000đ để khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hoàn cảnh hai vợ chồng bị cáo đều phạm tội để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo X trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo X trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo K cùng những chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Đầu tháng 5/2017 Nguyễn Thị X lén lút chiếm đoạt 01 chiếc tai nghe bluetooth nhãn hiệu LG HBS-510 của công ty TNHH V. Từ đó đến ngày 19/5/2017, X tiếp tục cùng Nguyễn Xuân K lén lút chiếm đoạt 159 chiếc tai nghe bluetooth cùng loại từ công ty ILSHIN. Hành vi đó của các bị cáo đã bị TAND thành phố H xét xử về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hai bị cáo đã chiếm đoạt tài sản có giá trị 49.469.543đ, có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và một tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn. Cấp sơ thẩm đánh giá vai trò của 2 bị cáo ngang nhau là phù hợp nhưng vì K và X là vợ chồng nên xử phạt X 19 tháng tù, thấp hơn hình phạt của K 5 tháng tù là giảm nhẹ so với mức hình phạt tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do không có khả năng tăng hình phạt nên cấp phúc thẩm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo X đã thực hiện trách nhiệm bồi thường cho công ty TNHH V số tiền 22.725.000đ theo đúng mức bồi thường cấp sơ thẩm quyết định. Bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ nhưng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 và được thay thế bằng Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán, có hiệu lực từ ngày 01/7/2018 đều quy định:

- Một trong những điều kiện được hưởng án treo là có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên; nếu có tình tiết tăng nặng thì số tình tiết giảm nhẹ phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Người phạm tội nhiều lần không được hưởng án treo, trừ trường hợp người phạm tội dưới 18 tuổi.

Vậy bị cáo X không đủ điều kiện được hưởng án treo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Các tình tiết chồng bị cáo X là bị cáo K cũng phải chấp hành hình phạt tù, không có ai nuôi con nhỏ và hiện bị cáo đang mang thai như đại diện Viện kiểm sát đưa ra sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Bị cáo X được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ nhưng như đã phân tích ở trên là cấp sơ thẩm đã xử phạt nhẹ đối với bị cáo X nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt, cần y án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo X phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 84/2018/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Thị X.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X **19 (Mười chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị X phải chịu **200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)** án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/7/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND TP (2 bản);
- VKSND TP;
- Công an TP;
- THADS TP;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy